

THƠ NÔM CỦA CÁC CHÚA TRỊNH NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC THỂ LOẠI

NGUYỄN MẠNH HOÀNG^(*)

Trong vườn hoa thơ Nôm nở rộ thời Lê trung hưng, các thi nhân họ Trịnh đã để lại dấu ấn đậm nét. Trịnh Căn có *Khâm định thăng bình bách vịnh* (欽定昇平百詠), Trịnh Cương có *Lê triều ngự chế quốc âm thi* (黎朝御制國音詩), Trịnh Doanh có *Càn nguyên ngự chế thi tập* (乾元御制詩集), Trịnh Sâm có *Tâm thanh tồn duy tập* (心青存肄集)^(*)... Trên nhiều danh lam thắng cảnh của Việt Nam hiện nay cũng còn lưu dấu nhiều thơ ca đề vịnh của các chúa Trịnh.

^(*) *Tâm thanh tồn duy tập* hiện không tìm thấy trong Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Theo Trần Văn Giáp, “*Tâm thanh tồn duy tập* được chúa Trịnh Sâm làm từ khi còn là thế tử, đến năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757) đem soạn lại, chia làm 4 loại: 1- Thù phụng; 2- Ban tứ; 3- Cảm hứng; 4- Đề vịnh. Hai bản chép tay của Thư viện KHXH (A.197 và AB. 376) phần lớn đều là thơ Nôm, cả hai đều cùng chép bài tựa của Phan Lê Phiên” (Trần Văn Giáp, 1990). Tuy nhiên, Nguyễn Văn Tố dường như là người nhắc đến tác phẩm này sớm hơn cả (Nguyễn Văn Tố, 1934). Có lẽ thời đó, Nguyễn Văn Tố đã được đọc *Tâm thanh tồn duy tập* nguyên bản và trích lục một số bài thơ mà sau này các sách khác cũng trích lục lại từ đây. Thơ Nôm của Trịnh Sâm còn xuất hiện rải rác trong *Minh Đô thi tuyển*, các văn khắc trên các vách đá ở các di tích, thắng cảnh. Một sự điều tra đầy đủ thơ Nôm của Trịnh Sâm hiện còn là rất cần thiết.

Nghiên cứu nghệ thuật thơ Nôm của các chúa Trịnh, chúng tôi nhận thấy có những điểm đáng chú ý về thể thơ, ngôn ngữ, bút pháp... Trong bài viết này chúng tôi đi vào khảo sát, phân tích một vài đặc điểm về phương diện hình thức thể loại thơ Nôm của các chúa Trịnh, ngõ hầu nhận diện được đặc trưng nào đó thuộc về bản sắc của dòng thơ ca Trịnh phủ.

Thể thơ Nôm Đường luật (tức loại thơ viết bằng chữ Nôm theo luật Đường và những biến thể của nó) chiếm đa số trong các sáng tác của các chúa Trịnh. Thống kê sáng tác thơ Nôm của các chúa Trịnh trong bộ *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 2), chúng tôi nhận thấy, số lượng các bài thơ Nôm Đường luật chiếm xấp xỉ 99% (367/371 bài). Điều đó cho thấy, các chúa Trịnh rất ưa dùng thể thơ này để sáng tác. Nó cũng phù hợp với xu hướng sáng tác thơ Nôm của các tác giả văn học trung đại (thuộc tầng lớp trên, đặc biệt là các đại thần hay vua chúa) từ thế kỷ XV đến khoảng giữa thế kỷ XVIII. Sáng tác thơ Nôm Đường luật vừa là sở trường, vừa là thị hiếu của họ. Thơ Nôm Đường luật của

^(*) ThS., Viện Thông tin KHXH.

các chúa Trịnh nổi lên một số đặc điểm cụ thể dưới đây.

1. Về số chữ trong một câu (một dòng thơ)

Thống kê trong bộ *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 2) và sách *Tứ bình thực lục*, chúng tôi nhận thấy thơ Nôm Đường luật của các chúa Trịnh hầu như toàn bộ là các bài thơ thất ngôn (hoặc thất ngôn xen lục ngôn, ngũ ngôn), chỉ có 04 bài thơ hoàn toàn lục ngôn và không có bài thơ ngũ ngôn nào. Xu hướng dùng thơ thất ngôn cũng là xu hướng chung của thơ Nôm Đường luật thế kỷ XV-XVIII, thậm chí XIX. Điều thường được các nhà nghiên cứu chú ý là sự xuất hiện của hiện tượng “thất ngôn xen lục ngôn” hay thậm chí có những bài hoàn toàn lục ngôn.

Cụ thể như sau: *Khâm định thặng bình bách vịnh* có 88 bài thơ Nôm Đường luật, trong đó 10 bài thất ngôn xen lục ngôn, chiếm 11,4%. *Lê triều ngự chế quốc âm thi* có 46 bài Đường luật, trong đó 4 bài hoàn toàn lục ngôn và 11 bài thất ngôn xen lục ngôn, chiếm 32,6%. *Cần Nguyên ngự chế thi tập* có 228 bài thơ Nôm Đường luật, trong đó có 12 bài thất ngôn xen lục ngôn, chiếm 5,3%, 1 bài thất ngôn xen ngũ ngôn. Thơ Nôm của Trịnh Sâm có khoảng 10 bài Đường luật, trong đó có 1 bài thất ngôn xen lục ngôn, chiếm 10% (con số này hiện còn nhiều ý kiến chưa thống nhất).

So sánh với các tập thơ khác (theo thống kê của Nguyễn Phạm Hùng): *Quốc âm thi tập* (có 186 bài có lục ngôn trên tổng số 254 bài, chiếm 73,2%); *Hồng Đức quốc âm thi tập* (135 bài có lục ngôn trên tổng số 328 bài, chiếm 41,2%); *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (97 bài có lục ngôn trên tổng số 161 bài, chiếm 60,2%); *Ngôn ản*

thi tập (5 bài có lục ngôn), v.v... (Nguyễn Phạm Hùng, 2006). Kết quả thống kê và so sánh cho thấy, thơ Nôm của các chúa Trịnh nằm ở giai đoạn câu thơ lục ngôn đang giảm dần trong chính thể bài thơ Nôm Đường luật nhưng vẫn được ưa chuộng, sáng tác khá nhiều; thậm chí có bài toàn là lục ngôn (mà không đâu nhiều như trong thơ Nôm của các chúa Trịnh).

2. Về vị trí câu thơ lục ngôn trong bài thất ngôn

Câu thơ lục ngôn xuất hiện ở mọi vị trí trong bài thơ Đường luật của các chúa Trịnh (cũng giống như các tập thơ của các tác giả khác). Nhìn tổng thể, có thể thấy hiện tượng sáng tác thơ thất ngôn xen lục ngôn ở các chúa Trịnh vẫn còn phổ biến (đặc biệt có đến 4 bài trong *Lê triều ngự chế quốc âm thi* của Trịnh Cương toàn lục ngôn: *Bồ Đề thặng cảnh thi*, *Cắc Cớ thi*, *Phúc Long tự thi*, *Hựu Phả Lại tự thi*), nhưng có xu hướng giảm dần, đến thơ Nôm của Trịnh Sâm thì hiện tượng thất ngôn xen lục ngôn chỉ còn rất ít (1 bài/10 bài). Điều này cũng phản ánh xu thế phát triển của thơ Nôm Đường luật nói chung từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX là quay trở về với cách luật truyền thống của thơ Đường luật.

Việc sáng tác thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn được xem là một nỗ lực Việt hoá thơ Đường luật, tạo ra “một lối thơ Việt Nam” (Phạm Luận, 1991; Nguyễn Huệ Chi, 1977; Nguyễn Phạm Hùng, 1997), hay một sự “phá cách” về hình thức nhằm khẳng định tính dân tộc theo một cách thức dễ nhìn thấy (Lã Nhâm Thìn, 1997; Nguyễn Hữu Sơn, 1998...). Có ý kiến lại cho rằng đây thuần túy là sự biến đổi do đặc điểm ngữ âm lịch sử tiếng Việt thế kỷ XV-XVII (Trần Trọng Dương, 2003) hay

do ảnh hưởng từ thơ cổ phong (thơ tam ngôn) Trung Quốc (Nguyễn Đăng Na, 2010), v.v...

Dù còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng vẫn có thể nhận định đây là một hiện tượng độc đáo làm nên bản sắc thơ Nôm Đường luật thế kỷ XV-XVIII nói chung và thơ Nôm của các chúa Trịnh nói riêng. Về mặt hiệu quả thẩm mỹ, sự xuất hiện các câu lục ngôn trong bài thơ thất ngôn cũng có ý nghĩa nhất định. Nó tạo nên âm điệu, nhịp điệu (cộng cách ngắt nhịp đều 2/2/2 hay 3/3) chắc chắn, mạnh mẽ, đều đặn hơn cho câu thơ, tạo ấn tượng “khẩu ngữ” của nó và qua đó thấy được giọng điệu riêng của tác giả muốn nhấn mạnh, đặc biệt khi các câu này đặt ở đầu hoặc cuối tác phẩm. Chẳng hạn như:

*Nhất Ninh Sơn / nhị Phượng Sơn,
Trà khoai lạc / hẳn còn hơn.
Bảo Khánh lại đành trống thượng phẩm,
Chín cam mùi ấy thuở nao sòn.*

(Bình trà phẩm - Trịnh Doanh)

Hai câu lục ngôn đầu bài tạo nên sự liệt kê cân đối, dứt khoát về các loại trà và phẩm chất của nó. Còn 2 câu lục ngôn đầu và cuối bài thơ sau lại tạo nên một lời khẳng định thật chắc chắn, ngang tàng, nhất quán:

*Mặc chiều / mặc sáng / mà nghe,
Mời tốt ngồi câu vện mọi bề.
Cười kẻ đổ mời nhà thiếu mẫu,
Sao bằng / lộc nước / đầy khe.*

(Tả diều ngụ cảnh từ - Trịnh Doanh)

Đặc biệt, những bài thơ toàn lục ngôn gọi lên ấn tượng chắc gọn, nhịp điệu thăng bằng và cảm giác lâng lâng như đang cất cánh bay lên cùng cảnh

vật đẹp đẽ hoặc quán quýt với bức tranh thiên nhiên tươi đẹp:

*Tịnh càn khôn / ghẽ một bầu,
Bao hình thế / bốn bề râu.
Phong lưu hậu / xây nền hậu,
Thú vị mâu / ngụ ý mâu.
Quán nguyệt / trông in / đáy nước,
Chày kinh / vang nện / bên lầu.
Yên vui bởi / dân thuần cổ,
Ý xưa sau / sở thích cầu.*

(Bồ Đề thắng cảnh thi - Trịnh Cương)

Các bài *Phúc Long tự thi*, *Lại thơ chùa Phả Lại* (toàn 6 chữ) cũng tạo ra ấn tượng rất độc đáo với sự đan xen cách ngắt nhịp 2/2/2 và 3/3. Về những bài thơ Nôm Đường luật toàn 6 chữ như thế này, có lẽ chỉ có một bài tương tự (bài *Chùa non nước* trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*); trong thơ Đường luật chữ Hán Việt Nam có nhiều hơn (chừng hơn 30 bài) nhưng cũng là hiếm hoi so với thơ ngũ ngôn, thất ngôn Hán. Điều đó càng khiến cho những bài thơ này trở nên độc đáo, lạ lẫm.

Cũng có trường hợp, trong bài thơ có sự kết hợp câu thất ngôn và ngũ ngôn trong bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật, đó là bài *Vịnh Dục Thúy sơn phong cảnh* của Trịnh Doanh:

*Trấn an thế đất vững bên trời,
Nhân trí nơi nơi triếp mọi nơi.
Trâm kết biên xanh gài trước đỉnh,
Là giếng đai ngọc diễn ngoài nhũn.
Một bầu thế giới còn dường vẽ,
Tám bức phong quang đã khác vời.
Điểm được Nam thiên danh đệ nhất,
Tạo thành chín nhiệm bài.*

(Vịnh Dục Thúy sơn phong cảnh)

Thực ra thơ thất ngôn xen ngũ ngôn không phải không có trong lịch sử thơ ca Việt Nam. Nếu đây đúng là chủ ý của Trịnh Doanh thì nó đã tạo nên hiệu quả lạ khi được để ở dòng cuối bài thơ. Cùng với một vài bài tương tự trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, đây cũng là một hiện tượng độc đáo, tạo nên dấu ấn riêng về sự phá cách cho thơ Nôm của Trịnh Doanh.

3. Về số câu thơ (dòng thơ) trong một bài

Thơ bát cú chiếm tỷ lệ khá áp đảo là 76,3% (chỉ tính riêng bộ *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* tập 2). Thơ tứ cú lại chỉ tập trung vào tác giả Trịnh Doanh với tập *Càn Nguyên ngự chế thi tập* (228 bài thơ Nôm Đường luật, trong đó có 87 bài thơ tứ cú, chiếm tỷ lệ 38,16%). Còn theo thống kê trong bộ *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 2) và quyển *Tứ bình thực lục*, thơ Nôm Đường luật của các chúa Trịnh khác đều chỉ dùng thơ bát cú: *Khâm định thặng bình bách vịnh* (88 bài thơ Nôm Đường luật hoàn toàn là bát cú), *Lê triều ngự chế quốc âm thi* (46 bài Đường luật cũng hoàn toàn là thơ bát cú), thơ Nôm của Trịnh Sâm (10 bài thơ Nôm, hoàn toàn là bát cú).

Điều này cho thấy, xu hướng dùng thơ bát cú vẫn là khuynh hướng chủ đạo. Nó phù hợp với tình hình chung của thơ Đường luật tại Việt Nam: thơ bát cú chiếm tỷ lệ lớn so với các dạng câu thơ khác (tứ cú, ngũ cú, lục cú, trường thiên,...). Có lẽ bởi thơ tứ cú dung lượng ngắn không đủ để chuyển tải nhiều nội dung; thơ trường thiên lại quá dài cho một thi tứ hay một thông điệp, một triết lý hay một bức tranh thiên nhiên; các dạng khác thì tạo ra

kết cấu không được cân xứng. Vì vậy, thơ bát cú có vẻ là “khuôn khổ” vừa phải, bình hòa, cân xứng, thích hợp nhất. Đây cũng là thể loại “chính tông”, được sử dụng trong sáng tác lẫn trong thi cử nhiều nhất ở thời trung đại.

4. Về cách gieo vần và hài thanh

Nhìn chung thơ Nôm của các chúa Trịnh tuân thủ cách gieo vần, hài thanh truyền thống của thơ Đường luật nói chung và thơ Nôm Đường luật nói riêng. Bên cạnh đó, điều đáng chú ý là, có nhiều bài gieo vần trắc, nhiều bài vần không thật gần gũi nhau, nhiều bài phá vỡ niêm luật, không đi theo chuẩn mực, đọc lên không nhịp nhàng du dương đầy nhạc tính như đặc trưng của thể thơ, mà tạo nên sự trúc trắc, “khổ độc”. Có lẽ đó không phải do các tác giả non tay, kém tài mà là dụng ý của họ, cũng có thể do vị thế, cá tính của họ cho phép họ làm thơ một cách thoải mái, phóng túng, không câu nệ vào vận luật, niêm luật (những bài này có sự giao thoa giữa thơ cách luật và thơ cổ phong). Có điều, ấn tượng rõ nhất khi đọc các bài thơ này là hiệu quả “văn xuôi hoá”, khẩu ngữ hóa bài thơ. Nhờ đó, tính triết luận, tính trần thuật của bài thơ được nâng cao.

Ví dụ về bài thơ gieo vần trắc:

*Trải qua ngoạn vị trong phong thái,
Cảnh trí xem đây đường khả chí.
Uyển nguyệt giăng la nước hiến châu,
Cài châm đất ngọc non trình thụ.
Đùn đùn trùng tập kể thiên hình.
Lẻo lẻo oanh hòa kiêu vạn thế.
Có lâm tuyên có thị triền,
Luận danh ất xưng danh vô ngã.*

(Trú Tử Dương thi - Trịnh Cương)

Ví dụ về việc phá vỡ niêm luật:

*Gây nên ngao cực chống trời đông,
Giá ấy cân xứng vẫn lọt vòng.
Thức ánh minh chu lòng viễn phố,
Tầng xây hoa cái lửa kì phong.
Đan thanh sẵn đậm đồ bông đảo,
Sắt đá bền **luyện** bạn trúc thông.
Trong thuở đặng lâm mây nổi gót,
Thuộc gang đường đã tiện vầng hồng.*

(Non Đông tự thi - Trịnh Cương)

Có bài phá vỡ vận luật lần niêm luật, dẫn đến hiện tượng “khổ độc”:

*Nhất bực rành rành lại thập **thành**,
Ở cho thực mặc ấy là ngoan.
Đầy vơi chỗ chớ chiều lòng thố,
Thì mới nên danh giá **tao** đàn.*

(Ban Cung nhân, bài 7, Trịnh Doanh)

Đặc biệt, có một số bài thơ bát cú gieo vần bằng việc lặp lại 5 lần đúng một chữ làm vần cho cả bài (2 bài *Luận tài đức* của Trịnh Doanh, bài *Nhãn tiền cảnh trí thi* của Trịnh Cương). Xin dẫn 2 bài làm ví dụ:

*Áng nhân sơn nguồn trí **thủy**,
Trùng trùng thanh tú gồm sơn **thủy**.
Thủy tuyên muôn phái dẫn quân sơn,
Sơn nhiều ngàn hàng bao chúng **thủy**.
Thủy ánh vầng hồng dải liễu sơn,
Sơn in bóng quế lồng thu **thủy**.
Sơn sơn thủy thủy khéo khéo đời,
Thu lại một đồ sơn hợp **thủy**.*

(Nhãn tiền cảnh trí thi tứ thủ - Trịnh Cương)

*Đức thời là ngọn cội là **tài**,
Tài đức gồm hai mới đáng **tài**.
Đức thảng hãy gìn quân tử đức,
Tài ưu bao sá tiểu nhân **tài**.
Tài là hoa gấm phô nền đức,
Đức có thơm danh tỏ chữ **tài**.*

*Ướm nhắc cân xứng tài miễn đức,
Trọn tài vẹn đức thánh nhân **tài**.*

(Luận tài đức, 1 - Trịnh Doanh)

Điểm chung của hai bài là sự lặp lại chữ “thủy”, “tài” ở vần (bên cạnh chữ “sơn”, chữ “đức” trong bài) như một cách để nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa hai cặp khái niệm/sự vật này. Kiểu gieo vần độc đáo như thế này không rõ có thể xếp vào kiểu loại nào trong thi luật; có lẽ đây là một cách “chơi” thơ độc đáo trên thi đàn cung đình lúc bấy giờ. Nhưng như đã nói, đó không phải chỉ thuần túy là trò chơi hình thức. Dụng ý nhấn mạnh là khá rõ trong những bài như thế.

Nghiên cứu chi tiết về thanh luật của *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*, Ngô Đức Thọ có chỉ ra một số khác biệt giữa cách hài thanh trong thơ Trịnh Cán với thơ Đường luật (đặc biệt ở chữ thứ 3 và 5 trong dòng thơ) và cho rằng hiện tượng này làm nên đặc trưng của loại thơ “Hàn luật” (Xem Ngô Đức Thọ, 1996). Tuy nhiên, ý kiến này đã bị Phạm Luận phản bác khá thuyết phục (Xem Phạm Luận, 1996). Và theo thiển nghĩ của chúng tôi, nó cũng chưa thực sự thuyết phục khi mà sự hiểu biết của chúng ta về thi luật Đường luật Hán và Đường luật Nôm còn chưa thực sự chắc chắn, sâu sắc. Có điều, nghiên cứu của Ngô Đức Thọ cũng mở ra khả năng khi sáng tác thơ Đường luật, các chúa Trịnh cũng có những sáng tạo, phá cách nhất định để khiến cho thơ Đường luật phù hợp hơn với ngữ âm, ngữ pháp tiếng Việt hoặc tạo ra một phong cách thơ khác đôi chút với phong cách thơ Đường luật truyền thống. Có thể thấy rõ một điều là nhịp điệu, hài thanh trong các bài thơ Nôm của các chúa Trịnh cũng

“nôm na” hơn các bài thơ Đường luật chuẩn mực.

5. Về cách ngắt nhịp

Đa số các bài thơ Nôm Đường luật thất ngôn của các chúa Trịnh tuân thủ cách ngắt nhịp của thơ Đường (nhịp cơ bản là 4/3 hoặc biến thể là 2/2/3; 2/2/2/1). Nhưng ở thơ Nôm Đường luật của Nguyễn Trãi, văn nhân thời Hồng Đức, Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng có hiện tượng ngắt nhịp độc đáo. Chẳng hạn:

*Gấm nghĩ chi ai dám bén bề,
Có cơ có mực có ngoan ngày.
Thênh vai phượng hình dung đẹp,
Đặt tiếng thiều cách điệu xuy.
Trai chĩnh bẩy / đà nên đáng lịch,
Nở nang thay / đích đáng con nghề.
Tài năng ấy / sánh vinh hoa ấy,
Lừng lẫy xa gần ắt chĩnh ghê.*

(Kim các tứ siêu - Trịnh Căn)

*Xem ý trời / đã ấy dục tình,
Ngại vì mưa lớn mới thanh minh.
Sương nghiêm vở có chiều êm tĩnh,
Ai quyết nên / thì mới kể rành.*

(Dữ cung nhân đồ tình vũ - Trịnh Doanh)

*Thú thanh nhàn / đã đòi ngày trái,
Nghĩa dẫu yêu / chi mỗ khác quên*

(Ban Luân công chí sĩ, bài 3
- Trịnh Doanh)

Hiện tượng ngắt nhịp này cũng được xem là một nỗ lực “Việt hoá” thơ luật Đường để xây dựng “lối thơ Việt Nam” hay “thi pháp Việt Nam”, vì cách ngắt nhịp 3/4 phổ biến hơn trong các thể văn vần Việt Nam (tục ngữ, song thất lục bát, thơ hát nói,...). Điều này có lẽ còn cần phải nghiên cứu thêm khi mà cách ngắt nhịp 3/4 không phải không có trong thơ ca Trung Quốc (dẫu không

phổ biến). Dù sao, có thể thấy cách ngắt nhịp 3/4 này tạo cho câu thơ cảm giác của câu văn xuôi, mang tính tự sự hơn là câu thơ, mang tính khẩu ngữ hơn văn viết, vì thế mà gia tăng tính triết lý, tính mệnh đề cho câu thơ và tạo ra cảm giác tỉnh táo (chứ không du dương, êm ru) cho người đọc khi tiếp nhận nó. Đến thơ Nôm của Trịnh Sâm thì cách ngắt nhịp đó cũng không còn mà trở về cách ngắt nhịp 4/3 truyền thống. Xu thế này cũng là xu thế chung của thơ Nôm Đường luật thế kỷ XV-XIX. Điều đó cho thấy, nghiên cứu thơ Nôm Đường luật không nên bỏ qua việc nghiên cứu thơ Nôm Đường luật của các chúa Trịnh.

Bên cạnh đó, sự hiện diện của những dòng thơ lục ngôn với cách ngắt nhịp cân bằng, đơn (2/2/2; 3/3), cũng đem lại tính đa dạng về nhịp điệu thơ trong thơ Nôm của các chúa Trịnh mà người đọc không thể bỏ qua. Dường như có một sự cố ý để tạo ra nhịp điệu “cân đối” trong các trường hợp đó với những mục đích nhất định phù hợp với nội dung phản ánh.

6. Về sử dụng điển tích, điển cố, thi liệu Hán học

Thơ Nôm của các chúa Trịnh dùng khá nhiều các điển tích, điển cố, thi liệu Hán học với nội dung biểu đạt rất phong phú: chính trị, xã hội, con người, thiên nhiên, triết học, văn học, nghệ thuật, v.v... Có thể lập một tiểu từ điển điển tích, điển cố và thi liệu Hán học cho thơ Nôm của các chúa Trịnh^(*).

^(*) Điển tích có xuất xứ Việt Nam rất ít trong thơ Nôm của các chúa Trịnh (không nói đến những bài vịnh địa danh có gắn với các tích truyện xưa có liên quan). Có lẽ chỉ có thể kể ra một vài điển tích, tiêu biểu là tích liên quan đến thần Kim Quy (trong *Linh Nam chích quái liệt truyện*)

Các điển cố, thi liệu Hán học được dùng với mục đích thể hiện sự uyên bác, tao nhã của các tác giả; biểu đạt các nội dung tư tưởng một cách cô đọng, súc tích và chuẩn mực. Với “khẩu khí” để vương đóng vai trò chủ đạo, các điển cố, thi liệu Hán học trong thơ Nôm của các chúa Trịnh được sử dụng nhiều trong các trường hợp sau: 1) Ca ngợi xã hội, triều “Nghieu Thuấn” thái bình, thịnh trị; 2) Tỏ rõ khẩu khí của các đấng minh quân trong các công việc trị sự; 3) Giáo huấn các phạm trù đạo đức, nhân luân cũng như chức phận của quan, dân trong vương triều; 4) Thể hiện tâm hồn nghệ sĩ; 5) Phủ dụ, giáo huấn các bề tôi, phi tần.

Do hướng đến các nội dung đó, các điển tích, thi liệu Hán học trong thơ Nôm của các chúa Trịnh chủ yếu có xuất xứ từ các sách kinh điển của Nho gia: *Tứ thư*, *Ngũ kinh* (đặc biệt là *Kinh thi*), các sách của chư tử, các sách sử Trung Hoa, Đường thi, Tống thi,... Chẳng hạn nói về xã hội thái bình thịnh trị thì có: Đường Ngu, Thuấn phong, Nam huân, Cửu ca, Cát Thiên, Thái cổ phong, Cầm Thuấn, Thọ tinh, Cựu ê, Đường cù, hội Long Vân, Chu Tụng, Thuấn dã, Chu điền, nội Thang, khúc Lộc minh, v.v... Nói về bề tôi trung lương thì có: Cơ Tử, Gia Cát, Lý Tố, Tô Vũ, Bùi Độ, Kỳ Anh Hội, Đổng Trọng Thư, v.v...

Cách dùng điển tích, điển cố có thể là dùng trọn vẹn cả mệnh đề (ví dụ: “chỉ

trong bài thơ *Vịnh nở* và bài *Lục nhãn long* của Trịnh Doanh. Tuy nhiên, đây cũng lại là các bài thơ “vịnh vật” chứ không phải những bài thơ bình thường. Dù sao, sự xuất hiện điển tích xuất xứ Việt Nam cũng là điều đáng mừng, đáng chú ý vì nó cho thấy ít nhiều xu hướng quay về với thực tế dân tộc hơn là chỉ chìm đắm trong Hán học của các tác giả.

ư chí thiện - *Cần phong hóa*, Trịnh Doanh), nhưng phổ biến nhất là chỉ dùng 1 phần: hoặc nhắc đến tên nhân vật, tên tác phẩm có liên quan (như nhắc tên các nhân vật lịch sử, tên các bài thơ trong *Kinh thi* như *Chung tư*, *Quyển a*, *Đào yêu*,...); có giải thích, hoặc nhắc đến những chữ tiêu biểu trong mệnh đề (ví dụ: “trí nhân” gọi đến câu “nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy”; “học hồi” tóm gọn câu “học nhi bất yếm, hồi nhi bất quyện”, v.v...); cũng có một số điển tích hay thi liệu Hán học đã được Việt hoá. Cách Việt hoá này thường được các nhà nghiên cứu đánh giá cao bởi nó khiến các điển tích, điển cố trở nên gần gũi hơn với độc giả, đồng thời cũng “khẳng định sự giản dị, thuần thực và thanh thoát của ngôn ngữ văn học dân tộc trong việc đồng hoá những chất liệu Hán học” (Đình Gia Khánh, 1978).

Nhìn chung, cách dùng điển tích, điển cố, thi liệu của các chúa Trịnh không khác gì các tác giả trung đại khác. Tuy nhiên, đi vào cụ thể hơn theo chiều lịch đại, đặc biệt theo lịch sử phát triển thơ Nôm Đường luật thì có thể thấy những điểm riêng. Chẳng hạn, thơ Nôm của các chúa Trịnh nằm ở giai đoạn thơ Nôm Đường luật sử dụng nhiều điển tích, điển cố, thi liệu Hán học. Hơn nữa, theo nhận xét của Lã Nhâm Thìn, thơ Nôm của các chúa Trịnh còn thiên về sử dụng nhiều điển tích, điển cố, thi liệu học hiem “khó hiểu và gây cảm giác nặng nề” (Lã Nhâm Thìn, 1997). Tuy nhiên, phải thấy rằng các chúa Trịnh là những chính trị gia có học thức, trình độ cao; là những nhà Hán học uyên thâm. Có lẽ đó là một trong những nguyên nhân họ chinh phục được sự phò tá của giới trí thức Nho học. Và như vậy, việc sử dụng điển

tích, điển cố, thi liệu Hán học ở đây cũng có những mục đích khá thực tiễn.

Từ góc độ hình thức thể loại, có thể thấy, thơ Nôm của các chúa Trịnh khá điều luyện, đa dạng và đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển nghệ thuật thơ Nôm thời Lê trung hưng. Điều đó cũng khẳng định tài năng văn học, trình độ học vấn, trình độ văn hóa cao của các nhà chính trị kiêm tác giả văn học này □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1977), *Thơ văn Lý Trần*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Trọng Dương (2003), “Giải mã những câu thơ sáu chữ trong *Quốc Âm thi tập* từ ngã đường ngữ âm học lịch sử”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 01.
3. Nguyễn Phạm Hùng (1997), “Một vài nhận xét về mối quan hệ giữa thơ Nôm Nguyễn Trãi và thể thất ngôn luật Đường ở Trung Quốc”, *Tạp chí khoa học* (Đại học Quốc gia Hà Nội), số 3.
4. Nguyễn Phạm Hùng (2001), “Trở lại vấn đề xác định vị trí thể thơ thất ngôn xen lục ngôn trong văn học Việt Nam thời trung đại”, *Tạp chí Văn học*, số 12.
5. Nguyễn Phạm Hùng (2006), “Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn: sự sáng tạo thể loại đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam”, *Tạp chí Hợp lưu - Văn học nghệ thuật biên khảo* (Hoa Kỳ), số 91.
6. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (1978), *Văn học Việt Nam thế kỷ X-nửa đầu thế kỷ XVIII*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Phạm Luận (1996), “Đoán định thể nào về thơ Hàn luật”, *Tạp chí Văn học*, số 7.
8. Phạm Luận (2002), “Thể loại thơ trong Quốc âm thi tập và thi pháp Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 4.
9. Phạm Luận, Phạm Phương Thái (2002), “Bàn thêm về thể thất ngôn xen lục ngôn”, *Tạp chí Văn học*, số 1.
10. Nguyễn Đăng Na (2010), “Từ dòng lục ngôn chữ Hán đến dòng lục chữ Việt trong thơ lục bát”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5.
11. Nguyễn Tá Nhí (chủ biên, 2008), *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 2), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Lã Nhâm Thìn (1997), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Ngô Đức Thọ (1996), “Bước đầu tìm hiểu quy tắc Hàn luật qua tập thơ *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
14. Nguyễn Hữu Sơn (1987), “Góp phần tìm hiểu hình thức câu thơ lục ngôn trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm”, *Tạp chí Văn học*, số 3.